

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 15/2017/KDTM-ST

Ngày: 05/9/2017

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Đẹp

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Cán bộ Tòa án

nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án về kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số: 23/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 08 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2017/QĐHPT-ST ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: 35 đường H, phường L, quận H, Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **LÊ HỒNG T**, Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N, là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N ký ngày 08/05/2017 và văn bản ủy quyền số: **1553/QĐ-BIDV** của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ ký ngày 28 tháng 05 năm 2015.

* **Bị đơn:** Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Công nghệ số N

Địa chỉ: 145/1 đường L, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Ngọc H – Giám đốc.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đoàn Xuân Tr; địa chỉ: 07A đường T, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa.

2. Bà: Nguyễn Trần Khánh D; địa chỉ: 66 đường N, phường PT, thành phố N, Khánh Hòa.

3. Ông Trần Ngọc H; địa chỉ: 145/1 đường L, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa.

4. Ông Phan Quang Đ; địa chỉ: 75/2B đường N, phường T, thành phố N, Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: D4.1 Chung cư L, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa.

6. Bà Nguyễn Thúy A; địa chỉ: Tổ 19 – thôn P – xã Diên An – huyện D – Tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Hà Thị Kh; 07A đường T, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa.
8. Ông Đoàn Hà Xuân V; địa chỉ: 07A đường T, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa;
9. Bà Trần Thị Tuyết N; địa chỉ: 07A đường T, phường PH, thành phố N, Khánh Hòa;
10. Ông Lê Thái C; địa chỉ: A1 Chung cư 26 đường H, phường V, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa.
11. Công ty Cổ phần Điện gió T
Địa chỉ: Thôn B – xã BP, huyện T, tỉnh Ninh Thuận
Người đại diện hợp pháp: ông Trần Đức X – Tổng giám đốc.
12. Công ty TNHH TM DV khai thác và xây dựng T.
Địa chỉ: Thôn B – xã BP, huyện T, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N - tên cũ là Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đ – CN Khánh Hòa (sau đây gọi là BIDV Nha Trang) đã cho Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N vay vốn theo:

1. Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD:

Ngày 14/01/2015, Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ - Chi nhánh Khánh Hòa (MHB) và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD ký ngày 10/07/2015 giữa Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N

(Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ - Chi nhánh Khánh Hòa (MHB) nay là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N (theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 25/04/2015 Về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ vào Ngân hàng TMCP Đ; Và theo công văn số 3146/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 07/05/2015 Về việc thay đổi tên chi nhánh của MHB sau khi sáp nhập vào BIDV)

đề vay số tiền: 3.000.000.000 đồng, (Ba tỷ đồng), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: được quy định theo từng Hợp đồng kèm Giấy nhận nợ và Bảng kê rút vốn cụ thể phát sinh. Mức lãi suất cho vay này được duy trì cho đến khi MHB có thông báo cho Bên vay về việc thay đổi lãi suất. Trong trường hợp Bên vay được MHB chấp thuận đối với việc hoàn trả nợ gốc trước hạn thì mức lãi suất này sẽ tự được áp dụng vào thời điểm hoàn trả nợ vay thực tế.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Thời hạn duy trì hạn mức là: 12 tháng.

- Thời hạn cho vay của số tiền nhận nợ trong từng lần rút vốn vay được ghi trong mỗi Hợp đồng tín dụng cụ thể, tối đa không quá: 06 tháng.

- Phương thức trả nợ gốc: vào ngày đáp hạn đối với từng lần giải ngân được ghi trên Hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.

- Tính đến ngày 08/05/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:
 - + Dư nợ gốc : 3.000.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 359.227.500 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 165.828.750 đồng.
 - Tổng cộng : 3.525.056.250 đồng.**

2. Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD:

Ngày 25/03/2015, Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ - Chi nhánh Khánh Hòa (MHB) và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD ký ngày 10/07/2015 giữa Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N để vay số tiền: 730.000.000 đồng, (Bảy trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: Lãi suất trong 03 tháng đầu tiên là 12%/năm và được điều chỉnh theo quy định của MHB trong từng thời kỳ mà không cần phải thông báo bằng văn bản cho Bên vay. Trong trường hợp Bên vay được MHB chấp thuận đối với việc hoàn trả nợ gốc trước hạn thì mức lãi suất này sẽ tự được áp dụng vào thời điểm hoàn trả nợ vay thực tế.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Thời hạn cho vay là: 36 tháng.
- Phương thức trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Tính đến ngày 08/05/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:
 - + Dư nợ gốc : 527.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 77.154.756 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 10.690.319 đồng.
 - Tổng cộng : 614.845.075 đồng.**

3. Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/0053497042/HĐTD:

Ngày 10/07/2015, Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/0053497042/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N để vay số tiền: 270.000.000 đồng, (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: 10,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động vốn CKH 12 tháng trả lãi sau + (cộng) biên độ cố định 3,5%.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Thời hạn cho vay là: 30 tháng.
- Phương thức trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Tính đến ngày 08/05/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:
 - + Dư nợ gốc : 216.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 28.231.800 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 4.741.725 đồng.
 - Tổng cộng : 248.973.525 đồng.**

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

TT	Tên tài sản	Giấy tờ tài sản	Thủ tục thế chấp
01	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của ông	- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng	- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số:

	Đoàn Xuân Tr: Căn hộ chung cư tọa lạc tại A1 Chung cư 26 đường H, phường V, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa.	đất ở số: 410108, hồ sơ gốc số: 571/2000 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/09/2000.	02/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015. - Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm số: 12366 ngày 13/07/2015.
02	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Trần Khánh D: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 66 đường N, phường PT, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. N cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014.	- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015. - Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm số: 12363 ngày 13/07/2015.
03	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N: Hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá (đã qua sử dụng).	- Hợp đồng mua bán số: 2312/2014/HĐMB ngày 23/12/2014, Hóa đơn tài chính số: 00000/70 ngày 28/01/2015, Hợp đồng mua bán số:/2014/HĐMB ngày 19/06/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000096 ngày 19/04/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000140 ngày 14/06/2015 và Giấy tờ hóa đơn khác có liên quan.	- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015. - Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số: 1186128076 ngày 13/07/2015.

Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản về trả nợ gốc và lãi của khoản vay (đã quá thời hạn thanh toán). Tính đến ngày 08/05/2017, tổng số nợ mà Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N phải trả cho Ngân hàng nhưng chưa trả là: **4.388.874.850 đồng** (*Bốn tỷ ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng*), bao gồm:

- Dư nợ gốc : 3.743.000.000 đồng,
- Lãi trong hạn : 464.614.056 đồng.
- Lãi quá hạn : 181.260.794 đồng.

(Lưu ý: Lãi vay tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn và mức lãi phạt chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng).

Khoản vay của Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N đã bị nợ quá hạn từ ngày 18/01/2016 do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc theo kế hoạch đã thỏa thuận.

Xét thấy tính chất món vay đã chuyển sang nợ xấu, khó đòi; hồ sơ đã đủ điều kiện để khởi kiện và phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng chúng tôi tiến hành khởi kiện, Kính đề nghị Quý Tòa buộc Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N phải thanh toán cho Ngân hàng chúng tôi tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/05/2017 là: 4.388.874.850 đồng (*Bốn tỷ ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng*), và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm khoản vay.

Trong trường hợp Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, kính đề nghị cơ quan Tòa án Nhân dân Thành phố Nha Trang kê biên phát mãi các tài sản thế chấp đảm bảo của Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N, của ông Đoàn Xuân Tr và của bà Nguyễn Trần Khánh D dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N cụ thể như sau:

- Căn hộ chung cư tọa lạc tại A1 Chung cư 26 đường H, phường V, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đoàn Xuân Tr theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 410108, hồ sơ gốc số: 571/2000 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/09/2000.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 66 đường N, phường PT, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Trần Khánh D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. N cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014.

- Hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N theo Hợp đồng mua bán số: 2312/2014/HĐMB ngày 23/12/2014, Hóa đơn tài chính số: 00000/70 ngày 28/01/2015, Hợp đồng mua bán số:/2014/HĐMB ngày 19/06/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000096 ngày 19/04/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000140 ngày 14/06/2015 và Giấy tờ hóa đơn khác có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số liệu các khoản vay tính đến ngày 5/9/2017 như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD ngày 14/01/2015

+ Dư nợ gốc : 3.000.000.000 đồng.
+ Lãi trong hạn : 423.786.250 đồng.
+ Lãi quá hạn : 211.893.125 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD ngày 25/03/2015

+ Dư nợ gốc : 527.000.000 đồng.
+ Lãi trong hạn : 145.283.927 đồng.
+ Lãi quá hạn : 45.444.967 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/0053497042/HĐTD ngày 10/07/2015

+ Dư nợ gốc : 216.000.000 đồng.
+ Lãi trong hạn : 50.879.400 đồng.
+ Lãi quá hạn : 18.626.400 đồng.

Tổng cộng: 4.506.027.330 đồng, trong đó:

- Dư nợ gốc : 3.743.000.000 đồng,
- Lãi trong hạn : 508.0684.887 đồng.
- Lãi quá hạn : 254.342.443 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Chúng tôi xác nhận Công ty TNHH Công Nghệ số N có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ theo 03 hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là đúng. Về số liệu nợ vay tính đến ngày 08/5/2017 là 4.388.874.850 đồng (gốc: 3.743.000.000 đồng). Tài sản đảm bảo nợ vay gồm có:

Nhà A1 – Chung cư 26 đường H của ông Đoàn Xuân Tr

Nhà và đất tại 66 đường N – phường PT– thành phố N của bà Nguyễn Trần Khánh D

Dây chuyền máy vo đá của Công ty Công nghệ số N.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Về số liệu nợ vay mà nguyên đơn đã nêu thì bị đơn thống nhất, không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

1. Ông Đoàn Xuân T trình bày:

Tôi có thể chấp Nhà A1 – Chung cư 26 đường H để bảo lãnh cho Công ty TNHH Công Nghệ số N vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ để hoạt động kinh doanh. Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Công Nghệ số N trả nợ vay thì tôi hoàn toàn đồng ý.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc xử lý tài sản thế chấp của tôi là Nhà A1 – Chung cư 26 đường H thì tôi không đồng ý vì doanh thu Công ty TNHH Công Nghệ số N đủ để trả số nợ đã vay.

Tài sản thế chấp Nhà A1 – Chung cư 26 đường H là tài sản của riêng tôi theo văn bản thỏa thuận cam kết về tài sản ngày 14/01/2015 giữa tôi và bà Hà Thị Kh.

Tại phiên tòa, ông Đoàn Xuân Tr đề nghị thực hiện việc kiểm toán đối với Công ty TNHH Công Nghệ số N để xác định các tài sản và nguồn vốn của công ty nằm ở đâu để trả nợ Ngân hàng, nếu ai chưa góp đủ vốn thì đề nghị góp cho đủ để trả nợ.

2. Bà Nguyễn Trần Khánh D trình bày:

Bà Nguyễn Trần Khánh D là thành viên của Công ty TNHH TMDV Công Nghệ số N, đồng thời bà D đã thế chấp nhà đất của cá nhân bà D cho Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

Tài sản mà bà D thế chấp là nhà đất tại 66 đường N – phường PT– thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. N cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014.

Bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc kê biên phát mãi tài sản là căn nhà 66 N cùng lúc với các tài sản khác. Bởi theo bà D các tài sản khác đã đủ để thanh toán khoản nợ. Bà D đề nghị trong trường hợp Công ty không trả được nợ, Ngân hàng chỉ cần yêu cầu phát mãi đối với 02 tài sản đảm bảo còn lại. Chỉ khi các tài sản này không đủ trả nợ thì mới phát mãi đến căn nhà 66 N của bà D.

Ngày 24/7/2017 bà Nguyễn Trần Khánh D có đơn xin từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Ngọc H trình bày: với tư cách là thành viên Công ty TNHH Công Nghệ số N thì tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết. Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc H không trình bày gì thêm.

4. Bà Nguyễn Thúy A trình bày: trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Công nghệ số N tôi không tham gia. Tôi chỉ cho anh tôi mượn tài sản để có vốn kinh doanh. Tôi không biết tranh chấp hợp đồng tín dụng của Công ty Công

nghe số N với Ngân hàng TMCP Đ. Vì lý do bận công việc nên tôi xin xét xử vắng mặt tôi. Tôi không có khiếu nại gì về sau.

5. Ông Nguyễn Văn T trình bày: với tư cách là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Công Nghệ số N, tôi có biết sự việc Công ty TNHH Công nghệ số N vay số tiền 3.700.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là 02 căn nhà thuộc sở hữu của vợ chồng ông Đoàn Xuân Tr. Đến thời điểm hiện tại, nợ gốc và lãi quá hạn đã lên đến 4.3 tỷ đồng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thua lỗ, tôi cũng phải trả nợ thay cho Công ty. Liên quan đến việc này tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Do yêu cầu của công việc, tôi không thể tham gia các hoạt động tố tụng của Tòa án, tôi yêu cầu ông Trần Ngọc H là người đại diện theo pháp luật của Công ty tham gia tất cả các hoạt động do Tòa án và nguyên đơn yêu cầu.

6. Ông Phan Quang Đ trình bày: Tôi được biết hiện nay Ngân hàng Đ khởi kiện Công ty TNHH Công nghệ số N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo nội dung tranh chấp, Công ty TNHH Công nghệ số N có thể chấp hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá để vay vốn Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 07/1/2016, Công ty TNHH Công nghệ số N đã ký biên bản bàn giao hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá (máy vo đá) cho tôi để cầm trừ khoản nợ là 1.000.000.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2017 tôi mới chính thức nhận vận hành máy vo đá này và quản lý sử dụng. Đối với vụ kiện nêu trên, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bản thân tôi không có yêu cầu gì, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi. Các tranh chấp liên quan giữa tôi và Công ty TNHH Công nghệ số N tôi sẽ yêu cầu giải quyết sau bằng vụ án khác.

7. Ông Đoàn Hà Xuân V trình bày: đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. vì lý do công việc và thấy chúng tôi không liên quan đến vụ án này nên tôi xin vắng mặt tại buổi hòa giải và xét xử. Chúng tôi không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa, ông V thống nhất với ý kiến của ông Đoàn Xuân Tr về việc yêu cầu kiểm toán đối với Công ty TNHH Công nghệ số N.

8. Bà Trần Thị Tuyết N trình bày: đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. vì lý do công việc và thấy chúng tôi không liên quan đến vụ án này nên tôi xin vắng mặt tại buổi hòa giải và xét xử. Chúng tôi không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

9. Bà Hà Thị Khánh: vắng mặt, không thể hiện ý kiến.

10. Công ty cổ phần Điện gió T trình bày: Công ty cổ phần Điện gió T (Bên A) và Công ty TNHH TM DV Khai thác và Xây dựng T (Bên B) có ký hợp đồng kinh tế số 14/2016/HĐKT/TNWP ngày 21/6/2016 về việc thi công khoan nổ, pháp đá trụ hồ móng Công trình Điện gió T giai đoạn I-34MW thuộc 2 xã L và BP, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Theo đó, bên A giao cho bên B thi công khoan nổ đào đá hồ móng cho các hạng mục móng trụ điện gió, tận thu vật liệu đá trong dự án Nhà máy Điện gió T, cụ thể là thi công đào đá hồ móng và gia công xay nghiền đá các loại. Hiện tại, hệ thống dây chuyền nghiền, sàng phân loại đá của T đang đặt tại khuôn viên của Công ty Cổ phần điện gió T.

Đối với vụ kiện tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH Công Nghệ số N, chúng tôi không liên quan và không hay biết, nên không tham gia tố tụng và không tham gia xét xử. Trường hợp nếu Tòa án niêm phong hệ thống dây chuyền nghiên, sàng phân loại đá để đảm bảo việc thi hành án, thì yêu cầu Công ty TNHH T phải có trách nhiệm thay thế hệ thống dây chuyền sàng đá khác nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện Hợp đồng mà hai bên đã ký.

11. Ông Lê Thái C: vắng mặt, không thể hiện ý kiến.

12. Công ty TNHH T: vắng mặt, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: bà Nguyễn Trần Khánh D, ông Phan Quang Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thúy A, bà Hà Thị Kh, bà Trần Thị Tuyết N, ông Lê Thái C, Công ty Cổ phần Điện gió T, Công ty TNHH T tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Đ theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 25/04/2015, do vậy Ngân hàng TMCP Đ kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Phát triển Nhà Đ theo quy định các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết và khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Đoàn Xuân Tr và ông Đoàn Hà Xuân V đề nghị thực hiện việc kiểm toán đối với Công ty TNHH TM-DV Công Nghệ số N để xác minh tài sản và xác định khả năng trả nợ của Công ty TNHH TM-DV Công Nghệ số N nhưng nội dung này không nằm trong thỏa thuận, không thuộc sự điều chỉnh của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nên không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, ông Tr còn yêu cầu các thành viên Công ty phải nộp đủ tiền vốn góp để Công ty thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu này của ông Tr là nội dung tranh chấp nội bộ Công ty TNHH TM-DV Công Nghệ số N và không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện, giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đ (nay là Ngân hàng TMCP Đ) đã cho Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N vay vốn theo 03 hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD ngày 14/01/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD ký ngày 10/07/2015 số tiền vay: 3.000.000.000 đồng, (Ba tỷ đồng), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: được quy định theo từng Hợp đồng kèm Giấy nhận nợ và Bảng kê rút vốn cụ thể phát sinh. Mức lãi suất cho vay này được duy trì cho đến khi MHB có thông báo cho Bên vay về việc thay đổi lãi suất. Trong trường hợp Bên vay được MHB chấp thuận đối với việc hoàn trả nợ gốc trước hạn thì mức lãi suất này sẽ tự được áp dụng vào thời điểm hoàn trả nợ vay thực tế.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Thời hạn duy trì hạn mức là: 12 tháng.
- Thời hạn cho vay của số tiền nhận nợ trong từng lần rút vốn vay được ghi trong mỗi Hợp đồng tín dụng cụ thể, tối đa không quá: 06 tháng.
- Phương thức trả nợ gốc: vào ngày đáo hạn đối với từng lần giải ngân được ghi trên Hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.

2. Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD ngày 25/03/2015, và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD ký ngày 10/07/2015, số tiền vay: 730.000.000 đồng, (*Bảy trăm ba mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: Lãi suất trong 03 tháng đầu tiên là 12%/năm và được điều chỉnh theo quy định của MHB trong từng thời kỳ mà không cần phải thông báo bằng văn bản cho Bên vay. Trong trường hợp Bên vay được MHB chấp thuận đối với việc hoàn trả nợ gốc trước hạn thì mức lãi suất này sẽ tự được áp dụng vào thời điểm hoàn trả nợ vay thực tế.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Thời hạn cho vay là: 36 tháng.
- Phương thức trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.

3. Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/0053497042/HĐTD ngày 10/07/2015, số tiền vay: 270.000.000 đồng, (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn là: 10,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động vốn CKH 12 tháng trả lãi sau + (cộng) biên độ cố định 3,5%.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Thời hạn cho vay là: 30 tháng.
- Phương thức trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.
- Phương thức trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Đoàn Xuân Trang, bà Nguyễn Trần Khánh Duyên và Công ty TNHH Công nghệ số Nha Trang đã dùng các tài sản thế chấp sau để đảm bảo nợ vay:

TT	Tên tài sản	Giấy tờ tài sản	Thủ tục thế chấp
01	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đoàn Xuân Tr: Căn hộ chung cư tọa lạc tại A1 Chung cư 26 đường H, phường V, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa.	- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 410108, hồ sơ gốc số: 571/2000 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/09/2000.	- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 02/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015. - Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm số: 12366 ngày 13/07/2015.
02	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Trần Khánh D: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 66 đường N, phường PT, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. N cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014.	- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015. - Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm số: 12363 ngày 13/07/2015.
03	- Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu hợp pháp của	- Hợp đồng mua bán số: 2312/2014/HĐMB ngày	- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/0053497042/HĐBĐ

Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N: Hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá (đã qua sử dụng).	23/12/2014, Hóa đơn tài chính số: 00000/70 ngày 28/01/2015, Hợp đồng mua bán số:/2014/HĐMB ngày 19/06/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000096 ngày 19/04/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000140 ngày 14/06/2015 và Giấy tờ hóa đơn khác có liên quan.	ngày 10/07/2015. - Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số: 1186128076 ngày 13/07/2015.
--	---	---

Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp do các bên tự nguyện giao kết, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH TM - DV Công nghệ số N đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả nợ như cam kết xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ đã vay là có căn cứ để chấp nhận. Tính đến ngày 05/9/2017, số nợ theo các hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: H.M.0007.15/HĐTD ngày 14/01/2015
 - + Dư nợ gốc : 3.000.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 423.786.250 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 211.893.125 đồng.
 2. Hợp đồng tín dụng số: T.C.0211.15/HĐTD ngày 25/03/2015
 - + Dư nợ gốc : 527.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 145.283.927 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 45.444.967 đồng.
 3. Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/0053497042/HĐTD ngày 10/07/2015
 - + Dư nợ gốc : 216.000.000 đồng.
 - + Lãi trong hạn : 50.879.400 đồng.
 - + Lãi quá hạn : 18.626.400 đồng.
- Tổng cộng:** 4.506.027.330 đồng, trong đó:
- Dư nợ gốc : 3.743.000.000 đồng,
 - Lãi trong hạn : 508.0684.887 đồng.
 - Lãi quá hạn : 254.342.443 đồng.

(Lãi vay tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi Công ty TNHH TM DV Công nghệ số N thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng).

Xét yêu cầu nợ lãi nêu trên của Ngân hàng là phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên chấp nhận.

[5] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015, 03/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015 và 03/2015/0053497042/HĐBĐ ngày 10/07/2015 thì phạm vi bảo lãnh là tất cả các khoản nợ của Công ty TNHH Công Nghệ số N được giao kết đến năm 2020 chứ không có sự giới hạn tài sản nào bảo lãnh cho khoản vay nào. Do bị đơn không thanh toán các khoản nợ đến hạn, nên nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp là phù hợp với Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 721 của Bộ luật dân sự.

[6] Đối với các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản hiện nay Ngân hàng đang tạm giữ của các chủ sở hữu tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn

trong trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán mà không phải xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với khoản 5 Điều 718 của Bộ luật dân sự nên ghi nhận.

[7] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 52, 54 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 474, 715, 716, 718, 721 của Bộ luật dân sự;
- Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ, buộc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Công nghệ số N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay còn nợ tính đến hết ngày 05/9/2017 là: 4.506.027.330 đồng (bằng chữ: *bốn tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng*), trong đó nợ gốc là 3.743.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 508.0684.887, lãi quá hạn: 254.342.443 đồng, và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2017 theo các Hợp đồng tín dụng số H.M.0007.15/HĐTD ngày 14/01/2015, số T.C.0211.15/HĐTD ngày 25/03/2015 và số 01/2015/0053497042/HĐTD ngày 10/07/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Công nghệ số N.

2. Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp bao gồm:

- Căn hộ chung cư tọa lạc tại A1 Chung cư 26 đường H, phường V, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của ông Đoàn Xuân Tr theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 410108, hồ sơ gốc số: 571/2000 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/09/2000.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 66 đường N, phường PT, Tp. N, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của bà Nguyễn Trần Khánh D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. N cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014;

- Hệ thống dây chuyền máy nghiền, sàng phân loại đá thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghệ số N (hiện đang đặt tại khuôn viên của Công ty Cổ phần điện gió T tại thôn B – xã BP, huyện T, tỉnh Ninh Thuận).

3. Trong trường hợp số nợ nêu tại Điều 1 được trả hết mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP Đ trả lại bản chính các giấy tờ sau cho chủ sở hữu:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 410108, hồ sơ gốc số: 571/2000 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/09/2000 cho ông Đoàn Xuân Tr.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số: AP 827434, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H32041 do UBND Tp. Nha Trang cấp ngày 16/07/2009 và xác nhận chuyển nhượng ngày 21/04/2014 cho bà Nguyễn Trần Khánh D.

- Hợp đồng mua bán số: 2312/2014/HĐMB ngày 23/12/2014, Hóa đơn tài chính số: 00000/70 ngày 28/01/2015, Hợp đồng mua bán số:/2014/HĐMB ngày 19/06/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000096 ngày 19/04/2015, Hóa đơn tài chính số: 0000140 ngày 14/06/2015 và Giấy tờ hóa đơn khác có liên quan cho Công ty TNHH Công nghệ số N.

* **Án phí:** Công ty TNHH Công Nghệ số N phải chịu 112.506.027 đồng án phí sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ 56.194.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006878 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

* **Quy định:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Quyền kháng cáo:** nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Nha Trang
- Đường sự
- THADS Tp Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hiếu